

Quyền tự do ngôn luận và quyền tự do thông tin trong pháp luật quốc tế và Việt Nam

Đỗ Đức Minh¹

¹ Đại học Quốc gia Hà Nội.
Email: ducminhtuhy@gmail.com

Nhận ngày 14 tháng 01 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 11 tháng 4 năm 2019.

Tóm tắt: Quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin luôn là vấn đề mang tính toàn cầu, được ghi nhận trong các công ước quốc tế về quyền con người và được thể chế hóa trong pháp luật của các quốc gia. Đồng hành với tiến bộ của nhân loại, Nhà nước Việt Nam luôn khẳng định, tạo điều kiện để bảo đảm tự do ngôn luận, tự do báo chí nhằm góp phần vào sự phát triển chung của đất nước. Trong những năm qua, pháp luật Việt Nam về quyền con người nói chung, các quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin nói riêng đã liên tục được hoàn thiện, phát triển và có những bước tiến không thể phủ nhận.

Từ khóa: Pháp luật, quyền tự do ngôn luận, quyền tự do thông tin.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: The freedoms of speech and of information have always been global issues, recognised in international conventions on human rights and institutionalised in the laws of nations. Accompanying with the progress of humanity, the State of Vietnam has always been affirming and facilitating the ensuring of the freedoms of speech and of the press to contribute to the overall development of the country. In recent years, Vietnamese law on human rights in general, and freedoms of speech and of information in particular, have been continuously improved, developed and achieved undeniable headways.

Keywords: Law, freedom of speech, freedom of information.

Subject classification: Jurisprudence

1. Mở đầu

Khái niệm “tự do” là tình trạng một cá nhân có thể và có hành động theo ý chí, nguyện vọng của mình, phù hợp với các quy phạm

pháp lý và đạo đức trong xã hội dân chủ. Là một yếu tố nền tảng của nhân phẩm và nhân quyền, tự do mang tính lựa chọn cá nhân. John Stuart Mill² trong tác phẩm *Bàn về tự do* đã phác họa những nguyên lý nền tảng

căn bản, bảo đảm quyền tự do cá nhân với cộng đồng xã hội. Xác định ranh giới của quyền lực hợp pháp và hợp lý của xã hội, ông cho rằng: “Tự do cá nhân chỉ được phép bị giới hạn với điều kiện giúp cho xã hội tự bảo vệ và bảo vệ những người khác. Con người cần những điều kiện khác nhau cho sự phát triển tinh thần nên họ cần sự tự do cá nhân để phát huy hết tiềm năng cũng như tác động lên riêng cá nhân mình theo nguyên tắc có thể làm tất cả những gì không hại đến người khác”³.

Theo đó, “tự do ngôn luận” là quyền trình bày ý kiến một cách mạch lạc, rõ ràng của một người nào đó mà không sợ sự trả thù hoặc kiểm duyệt của chính quyền, hay chịu sự trừng phạt của xã hội; cũng được dùng để nói đến cả hành động tìm kiếm thông tin hoặc quan niệm, bất kể bằng cách sử dụng phương tiện truyền thông nào. Bàn về tự do ngôn luận, Benedic Spinoza⁴ phát biểu: “Trong một quốc gia tự do, mỗi người có thể nghĩ điều họ muốn và nói điều họ nghĩ”. Ông cũng nói kết một cách rõ ràng sự tự do ngôn luận với dân chủ khi cho rằng, “dân chủ” - với tư cách là “hình thức tự nhiên nhất của việc cai trị” cũng là chế độ phù hợp nhất để đạt được mục tiêu này [4]. Khái niệm tự do ngôn luận hiện đại được ông quan niệm là một quyền đa diện bao gồm không chỉ quyền được biểu đạt hay phát tán thông tin và tư tưởng, mà còn hàm chứa các nội dung (như quyền tìm kiếm thông tin và tư tưởng, quyền tiếp nhận thông tin và tư tưởng, quyền chia sẻ thông tin và tư tưởng)⁵.

Ngày nay, quyền tự do ngôn luận trở thành một giá trị phổ biến được hầu hết các quốc gia công nhận bằng văn bản luật và trở thành một trong những quyền căn bản nhất của con người được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế như một trong những

chuẩn mực quốc tế. Quyền tự do ngôn luận được thừa nhận như là một quyền con người trong Điều 19, Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền của Liên Hợp Quốc 1948 (UDHR)⁶ về các quyền cơ bản của con người và được khẳng định trong Luật Nhân quyền quốc tế, nhằm thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người trên phạm vi quốc tế, khu vực và từng quốc gia. Ngoài ra, một số chuẩn quốc tế, khu vực và quốc gia cũng thừa nhận quyền tự do ngôn luận áp dụng cho mọi phương tiện truyền thông, dù bằng cách nói, viết, tài liệu in ấn, qua internet hay qua các hình thức nghệ thuật⁷. Sự tự do của các hoạt động truyền thông đại chúng (TTĐC) thể hiện tự do ngôn luận của công dân được xem là yếu tố căn bản của xã hội dân chủ vì người dân sử dụng quyền tự do ngôn luận để thực sự làm chủ đất nước của mình.

“Tự do thông tin” (hay tự do báo chí) bao gồm tự do tìm kiếm và quyền được thông tin⁸ là những quyền của công chúng được biết thông tin của nhà nước theo cách chủ động công khai hoặc thực hiện quyền yêu cầu từ phía người dân, nhằm thỏa mãn nhu cầu thông tin của mình cũng như bảo vệ và thực hiện các quyền năng khác được pháp luật ghi nhận. Bàn về quyền tự do thông tin, David Hume trong bài luận về tự do báo chí⁹ cho rằng, tự do “thông tin cho công chúng bất kỳ điều gì chúng ta muốn” là đặc biệt phổ biến ở những nước có chính quyền hỗn hợp như nước Anh và trái ngược với những quốc gia “hoàn toàn theo chế độ quân chủ” hay “hoàn toàn theo chủ nghĩa cộng hòa” [3]. Benjamin Constant¹⁰ trong tác phẩm *Các nguyên tắc chính trị có thể áp dụng cho tất cả chính phủ* cũng vạch rõ mối liên kết giữa tự do báo chí với qui mô lớn của các quốc gia hiện đại khi cho rằng, trong các chính thể quy mô lớn của thời kỳ hiện đại, tự do báo chí là phương tiện duy

nhất đảm bảo tính công khai, vì vậy dưới bất kỳ chính phủ nào cũng là biện pháp đặc biệt để bảo vệ các quyền của chúng ta.

Là một nhu cầu và một quyền cơ bản, cấp thiết cần phải đảm bảo được thực hiện đối với mọi công dân, quyền được thông tin luôn là một bộ phận không thể thiếu của quyền con người. Là một thành tố không thể tách rời của một nền dân chủ, quyền được thông tin là biểu hiện của một xã hội được quản lý, vận hành theo nguyên tắc nhà nước pháp quyền vì nó tạo cơ sở cho người dân trong việc giám sát sự công khai, minh bạch trong hoạt động của nhà nước. Theo đó, quyền tiếp cận thông tin thể hiện rõ nhất về mặt các phương tiện thông tin đại chúng (PTTTĐC), trong đó có báo chí, bảo đảm cho người dân có quyền sử dụng báo chí như phương tiện thể hiện quan điểm về mọi mặt kinh tế - xã hội và chính trị.

Là những quyền cơ bản và quan trọng của cá nhân nên tự do ngôn luận, tự do thông tin ngày càng được đảm bảo ở các chế độ trong những hình thái kinh tế - xã hội và trong tiến trình văn minh nhân loại. Ngày nay, tự do ngôn luận và tự do thông tin trở thành những yếu tố hết sức quan trọng đối với sự ổn định, phát triển của mỗi quốc gia, đồng thời là biểu hiện trực tiếp của quan niệm, chính sách nhân quyền ở quốc gia đó. Các văn kiện như Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị 1966 (ICCPR), Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế - Xã hội và Văn hóa 1966 (ICESCR), đều nhằm hạn chế các hành vi của nhà nước để không thể tước đoạt các quyền của cá nhân, tạo lập một môi trường thuận lợi bảo vệ các quyền con người và can thiệp khi cần thiết để ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền con người do hành vi của người khác gây ra, trở thành nền tảng sức mạnh và cơ sở pháp lý của quyền con người. Mặc dù là những quyền

cơ bản trong một xã hội tự do nhưng việc lạm dụng tự do ngôn luận và tự do thông tin sẽ xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân cũng như xã hội; vì vậy một vấn đề được đặt ra là những quyền này phải được giới hạn trong những trường hợp nhất định. Bài viết này phân tích quyền tự do ngôn luận và quyền tự do thông tin trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam.

2. Quyền tự do ngôn luận và quyền tự do thông tin trong pháp luật quốc tế

Trên bình diện quốc tế, quyền tự do ngôn luận và quyền tự do thông tin được ghi nhận, quy định cụ thể trong các văn kiện (luật pháp) quốc tế như một chuẩn mực quốc tế về một trong những quyền căn bản nhất của con người. Người ta đã tìm thấy tự do ngôn luận trong các tài liệu từ xa xưa về nhân quyền, như bản Đại Hiến chương Magna Carta (1215) của Vương quốc Anh¹¹ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp 1789. Quyền tự do ngôn luận được thừa nhận như là một quyền con người trong UDHR: “Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ ý kiến; kể cả tự do bảo lưu quan điểm mà không bị can thiệp; cũng như tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền bá các ý tưởng và thông tin bằng bất kỳ phương tiện truyền thông nào và không có giới hạn về biên giới” (Điều 19). ICCPR cũng tuyên bố: “Mọi người đều có quyền tự do phát biểu quan điểm bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến mọi tin tức và ý kiến bằng truyền khẩu, bút tự hay ấn phẩm, dưới hình thức nghệ thuật, hay bằng mọi phương tiện truyền thông khác, không kể biên giới quốc gia. Quyền này chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật vì nhu cầu tôn trọng những

quyền tự do, thanh danh của người khác và an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe công cộng hay đạo lý” (Điều 19).

Nội dung của Điều 19 UDHR sau đó được tái khẳng định trong Luật Nhân quyền quốc tế và được ICCPR thừa nhận về quyền tự do ngôn luận: “Mọi người đều có quyền giữ quan điểm của mình mà không bị ai can thiệp. Mọi người có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi thông tin, ý kiến, không phân biệt lĩnh vực, hình thức truyền truyền bằng miệng, bằng bản viết, in, hoặc dưới hình thức nghệ thuật, thông qua bất kỳ PTTTĐC nào tùy theo sự lựa chọn của họ” (Khoản 1, 2). Theo Ủy ban giám sát ICCPR, quyền được giữ quan điểm của mình mà không bị ai can thiệp nêu ở Khoản 1 Điều 19 là quyền tuyệt đối, không được hạn chế hay tước bỏ trong bất cứ hoàn cảnh nào, kể cả trong tình huống khẩn cấp của quốc gia. Bên cạnh cơ chế có tính chất toàn cầu của Liên Hợp Quốc và một số tổ chức liên chính phủ, một số tổ chức khu vực cũng ban hành các văn kiện và thành lập các cơ chế để bảo vệ và thúc đẩy quyền con người trong phạm vi khu vực đó. Tự do ngôn luận cũng được thừa nhận trong Luật Nhân quyền của một số khu vực (như Điều 10 Công ước Châu Âu về Nhân quyền 1950; Khoản 13 Công ước Châu Mỹ về Nhân quyền 1969 (Hiệp ước San José); Điều 9 của Hiến chương Châu Phi về nhân quyền (Điều lệ Banjul) và Tu chính thứ Nhất của Hiến pháp Hoa Kỳ). Một số chuẩn quốc tế, khu vực và quốc gia cũng thừa nhận rằng, quyền tự do ngôn luận áp dụng cho mọi phương tiện truyền thông, dù bằng cách nói, viết, tài liệu in ấn, qua internet hay qua các hình thức nghệ thuật. Nhìn chung, các công ước quan trọng về quyền con người đều ghi nhận quyền thông tin, quyền tiếp cận thông tin như một

cấu thành căn bản. Theo UDHR, chính phủ một quốc gia cần đảm bảo các quyền con người cơ bản. Ngoài ra, quyền tiếp cận thông tin thuộc nhóm quyền dân sự, chính trị được biểu đạt trong UDHR (đề cập đến khái niệm quyền và tự do cơ bản của con người), ICCPR và được khẳng định trong nhiều điều ước quốc tế khác (như Công ước Liên Hợp Quốc phòng chống tham nhũng (UNCAC), Tuyên bố của Liên Hợp Quốc về Môi trường và Phát triển 1992, Công ước Ủy ban kinh tế Châu Âu của Liên Hợp Quốc (UNECE) về tiếp cận thông tin môi trường).

Dù hình thái kinh tế - xã hội khác nhau nhưng giá trị phổ quát của quyền con người trong lĩnh vực tự do ngôn luận, tự do báo chí là tương đồng; được hầu hết các quốc gia tôn trọng, ghi nhận và bảo vệ. Theo đó, tự do ngôn luận được xem là điều thiết yếu đối với một chính phủ đại diện và đối với thực hiện tự do ý chí cá nhân. Điều này có nghĩa là các PTTTĐC (truyền hình, phát thanh, báo in) tự mình quyết định đăng tải hay phát sóng những tin gì. Chính phủ cũng là một đối tượng để đưa tin và bình luận chứ không thể tác động tới việc các PTTTĐC đưa tin gì, đưa tin như thế nào về chính phủ hay đòi hỏi các báo phải ủng hộ quan điểm của chính phủ; cũng không được đòi hỏi phải đưa tin của chính phủ hay yêu cầu các báo phải in những tin nào và phải in ở vị trí nào của tờ báo (nếu chính phủ muốn đảm bảo thì phải đặt các chương trình quảng cáo như bất kỳ một công ty thương mại hay cá nhân nào). Không chỉ vậy, chính phủ phải thực hiện nguyên tắc đối xử bình đẳng trong việc cung cấp thông tin cho tất cả các PTTTĐC, không ai có thể bị phân biệt đối xử vì có những tuyên bố không hợp lòng dân. Bảo vệ tối thượng quyền con người và bảo vệ quyền tự do ngôn luận của mỗi công dân một cách bình đẳng là tiêu

chỉ xác định một nhà nước thực sự của nhân dân và thể hiện nguyên tắc của nhà nước pháp quyền.

Theo tinh thần đó, ngày nay quyền tự do ngôn luận được các quốc gia công nhận như những giá trị phổ biến và quyền cơ bản của con người được pháp luật bảo vệ bằng văn bản luật, thậm chí là ghi nhận của hiến pháp. Song, do những khác biệt về hoàn cảnh lịch sử, chế độ chính trị, trình độ phát triển, giá trị truyền thống văn hóa nên mỗi quốc gia, dân tộc có cách tiếp cận về quyền tự do ngôn luận, quyền tự do thông tin nhưng việc thực hiện những quyền này như thế nào là vấn đề cần được đề cập một cách cụ thể, căn cứ vào sự lựa chọn con đường phát triển và hệ thống pháp luật (HTPL) của mỗi quốc gia.

3. Quyền tự do ngôn luận và quyền tự do thông tin trong pháp luật Việt Nam

Trong quá trình xây dựng đất nước, Việt Nam không thể nằm ngoài xu hướng phát triển chung của nhân loại. Mặc dù có sự chi phối đặc thù của đất nước, nhưng Chính phủ Việt Nam vẫn công nhận UDHR là giá trị phổ quát, ký cam kết tuân thủ và thực thi đầy đủ các công ước ICCPR cũng như ICESCR¹². Trong đó, quyền con người nói chung và quyền được thông tin của công dân nói riêng nằm trong mối quan hệ hai chiều giữa công dân với Nhà nước Việt Nam (công dân và Nhà nước vừa là chủ thể vừa là khách thể trong việc cung cấp thông tin). Các bản hiến pháp Việt Nam từ trước đến nay đều có những quy định về tự do ngôn luận, tự do báo chí và khẳng định đây là một trong những quyền cơ bản nhất của con người, của mọi công dân. Qua mỗi bản hiến pháp, nội dung này được kế thừa và phát triển phù hợp từng điều kiện và hoàn

cảnh lịch sử cụ thể của nước ta. Ví dụ: các quyền tự do ngôn luận, quyền tự do báo chí được khẳng định ở Điều 10 của Hiến pháp (1946) và được tiếp tục ghi nhận trong Hiến pháp 1992 và Hiến pháp 2013¹³. Những năm qua, Nhà nước Việt Nam đã xây dựng và hoàn thiện HTPL theo các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền. Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) có quy định về thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền được thông tin của công dân trong một số lĩnh vực (như Luật Báo chí 2016, Luật Tiếp cận thông tin, Luật An ninh mạng...). Từ đó, góp phần xây dựng xã hội cởi mở về thông tin, hướng tới xây dựng hệ thống chính phủ công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình trong hoạt động quản lý, điều hành đất nước và tinh thần làm chủ của nhân dân.

Hiến pháp 2013 được sửa đổi, bổ sung cả về nội dung, bố cục và kỹ thuật lập hiến. Với những điểm mới tiến bộ, Hiến pháp 2013 đã làm sáng tỏ hơn nhận thức, nội dung và yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; phù hợp với yêu cầu thực tiễn Việt Nam và tiếp cận với những giá trị chung của nhân loại. Hiến pháp 2013 chú trọng trong việc ghi nhận, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hiến định một số nguyên tắc và quyền con người cụ thể trong các công ước quốc tế về nhân quyền mà Việt Nam là thành viên. Hiến pháp cũng nhấn mạnh và đề cao quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Những nội dung này đã trở thành tinh thần cốt lõi và những điểm sáng cơ bản, mang nhiều đổi mới quan trọng của Hiến pháp 2013. Với nhận thức nhân dân là chủ thể của quyền lập hiến, quyền con người và quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp sửa đổi trang trọng tuyên bố sau Chương I (về chế độ chính

trị). Hiến pháp cũng thể hiện những nhận thức mới về đề cao nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo hiến pháp và pháp luật” (Khoản 1, Điều 14). Không chỉ khẳng định và củng cố hầu hết các quyền được ghi nhận trong Hiến pháp 1992, Hiến pháp 2013 cũng làm rõ hơn và bổ sung một số quyền mới mà các hiến pháp trước đây chưa được đề cập¹⁴, tách bạch giữa quyền con người với quyền và nghĩa vụ của công dân; làm rõ, chính xác và phong phú hơn một số quyền tự do trước đây đã đề cập so với các chuẩn mực pháp lý quốc tế và thực tiễn đất nước. Các giá trị tự do, công bằng, bình đẳng, dân chủ, nhân quyền, công khai, minh bạch được ghi nhận trong nhiều điều, khoản của Hiến pháp. Nhằm tăng cường việc bảo đảm quyền con người, tránh sự tùy tiện trong việc hạn chế quyền con người, hiến pháp bổ sung một nguyên tắc hiến định là “quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng” (Khoản 2, Điều 14). Đây là quy định đề cao trách nhiệm của Nhà nước trong mối quan hệ với quyền con người, quyền công dân; tạo cơ sở hiến định để mọi người và công dân bảo vệ và thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Không chỉ làm rõ, sâu sắc, khả thi hơn các nội dung, quan điểm về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân; những điểm mới bổ sung của Hiến pháp 2013 còn góp phần hoàn thiện khuôn khổ hiến định về quyền con người, quyền công dân và tăng cường mức độ

tương thích của chế định quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp 2013¹⁵ với nội dung của các Điều ước quốc tế về nhân quyền mà Việt Nam là thành viên và với hiến pháp các nhà nước dân chủ trên thế giới; đáp ứng những nhu cầu mới về quyền con người nảy sinh trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (HNQT). So với Hiến pháp 1992, cách thể hiện các quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong Hiến pháp 2013 đã thể hiện sự đầy đủ và sâu sắc quan niệm về chủ quyền nhân dân.

Để cụ thể hóa hiến pháp và thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin, cùng với quá trình đổi mới kinh tế, HNQT, trong những năm qua, Nhà nước Việt Nam đã xây dựng và hoàn thiện hệ HTPL theo các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền. Nhà nước đã ban hành nhiều VBQPPL có quy định về thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền được thông tin của công dân trong một số lĩnh vực, góp phần xây dựng xã hội cởi mở về thông tin, hướng tới xây dựng hệ thống chính phủ công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình cao hơn trong hoạt động quản lý, điều hành đất nước, đề cao tinh thần làm chủ của nhân dân. Để bảo đảm cho hệ thống truyền thông theo kịp sự phát triển, bên cạnh các quy định cụ thể trong Hiến pháp, pháp luật, Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm hoàn thiện HTPL nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan thông tin đại chúng làm tròn chức năng, nhiệm vụ, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí ở Việt Nam ngày càng được phát huy cao hơn. Cụ thể là:

- Luật Báo chí năm 2016 (Luật số 103/2016/QH13) quy định về đối tượng thành lập cơ quan báo chí; liên kết trong hoạt động báo chí; quyền tác nghiệp của báo chí; quyền hạn, nghĩa vụ của nhà báo; hoạt động kinh doanh dịch vụ của cơ quan

báo chí; những hành vi bị cấm trong hoạt động báo chí; cải chính và xử lý vi phạm trong lĩnh vực báo chí. Với nhiều quy định mới tiến bộ nổi bật, phù hợp với thực tiễn đời sống của báo chí và công tác báo chí, mang tính thời đại, Luật Báo chí năm 2016 góp phần tạo hành lang pháp lý quan trọng và cụ thể để hoạt động báo chí tiếp tục phát triển bền vững. Luật có những điểm mới nổi bật thể hiện trong các quy định về quyền tự do thông tin, quyền tự do ngôn luận; đồng thời quy định trách nhiệm của các cơ quan báo chí, của Nhà nước đối với những quyền tự do thông tin, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân.

- Luật Tiếp cận thông tin (Luật số 104/2016/QH13) cụ thể hóa quyền tiếp cận thông tin được quy định tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp...”; đồng thời nội luật hóa một số quy định trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân (Điều 1). Việc ban hành luật nhằm bảo đảm thi hành quy định của Hiến pháp 2013 về “Quyền tiếp cận thông tin” của công dân, đồng thời, cụ thể hóa tinh thần mới của Hiến pháp về trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm cung cấp thông tin một cách chính thống, chống lại những thông tin xuyên tạc, không đúng sự thật, tạo sự đồng thuận xã hội trong việc xây dựng, triển khai thực hiện chính sách, pháp luật; góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển nền kinh tế thị trường

định hướng XHCN và HNQT, đồng thời để thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam có liên quan đến quyền tiếp cận thông tin và bảo đảm tính tương thích của pháp luật Việt Nam với pháp luật của nhiều nước trên thế giới về quyền tiếp cận thông tin.

Theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, thông tin là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra (Khoản 1, Điều 2). Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan nhà nước thường nắm giữ hai loại thông tin, đó là thông tin do chính cơ quan mình tạo ra trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ và thông tin do mình nắm giữ vì nhận được từ cơ quan khác gửi cho mình. Tuy nhiên, cơ quan nhà nước chỉ có trách nhiệm trực tiếp cung cấp đối với những thông tin do chính mình tạo ra. Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản (Khoản 2, Điều 2).

- Luật An ninh mạng (Luật số 24/2018/QH14) quy định về “hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Luật An ninh mạng bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân Việt Nam khi sử dụng dịch vụ mạng; không cấm tự do ngôn luận nhưng là cơ sở pháp lý và một công cụ quan trọng để làm lành mạnh thông tin mạng, giúp lực lượng chuyên trách xử lý những nguy cơ, thách thức và ngăn chặn, xử lý kịp

thời, hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

4. Kết luận

Là thành quả phát triển lâu dài của lịch sử nhân loại, giá trị cao quý chung của các dân tộc; các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí được xem như là thước đo sự tiến bộ và trình độ văn minh của các xã hội, không phân biệt chế độ chính trị, trình độ phát triển và bản sắc văn hóa. Trong quá trình xây dựng đất nước, Việt Nam không nằm ngoài xu hướng phát triển chung của nhân loại. Mặc dù có sự chi phối của đặc thù của đất nước, Chính phủ Việt Nam vẫn công nhận UDHR là giá trị phổ quát và ký cam kết tuân thủ các văn kiện ICCPR và ICESCR; đồng thời luôn khẳng định thực thi đầy đủ các công ước đã ký. Các bản Hiến pháp của Việt Nam từ trước đến nay đều có những quy định về tự do ngôn luận, tự do báo chí và khẳng định đây là một trong những quyền cơ bản nhất của con người, của mọi công dân. Qua mỗi bản hiến pháp, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí của công dân được kế thừa, phát triển phù hợp với từng điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước. Với việc Nhà nước tham gia ký các Công ước quốc tế về quyền con người, ban hành Hiến pháp 2013 và các Luật Báo chí năm 2016, Luật Tiếp cận thông tin 2016, Luật An ninh Mạng năm 2018; đến nay khung pháp luật của Nhà nước Việt Nam về quyền tự do ngôn luận, báo chí, tiếp cận thông tin của công dân cơ bản đầy đủ, đồng bộ và tương thích với luật quốc tế về quyền con người.

Chú thích

² John Stuart Mill (1806-1873) là nhà triết học thực chứng, nhà tư tưởng tự do hàng đầu người Anh thế kỷ XIX. Tư tưởng của ông mang đậm dấu ấn duy lý phương Tây, có ảnh hưởng sâu rộng, đã phác họa những nguyên lý nền tảng căn bản, bảo đảm quyền tự do của cá nhân con người đối với cộng đồng xã hội và sự phát triển.

³ Mill đưa ra quan điểm về các ranh giới tất yếu của tự do, như: (i) tự do chỉ có thể trở thành hiện thực trong một cộng đồng văn minh; (ii) chỉ được áp dụng với những người “đã trưởng thành về các năng lực” tức là không áp dụng máy móc cho trẻ em và người bị thiếu năng trí tuệ; (iii) xã hội chỉ được phép giới hạn tự do của cá nhân nhằm để tự bảo vệ và bảo vệ những thành viên khác.

⁴ Barud Spinoza (1632-1677) là nhà triết học duy lý người Hà Lan, người đặt nền móng cho thời kỳ khai sáng và sáng lập chủ nghĩa phê phán kinh thánh hiện đại. Với những quan điểm sâu sắc về nhà nước và pháp luật pháp quyền tự nhiên, Spinoza cho rằng: nhà nước hoàn hảo là một nhà nước dân chủ mà pháp luật bảo đảm quyền lợi và tự do thực sự của con người.

⁵ Về vấn đề này, trong lý luận của mình, C.Mác và Ph.Ăngghen cũng khẳng định mục tiêu lý tưởng xây dựng một xã hội lấy “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người” [1, tr.628].

⁶ UDHR là Tuyên ngôn về các quyền cơ bản của con người (được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 10/12/1948), bao hàm các quyền cơ bản về kinh tế, chính trị và các quyền chống lại sự phân biệt đối xử bất công dựa trên chủng tộc, tôn giáo hay giới tính.

⁷ Do thuật ngữ “tự do ngôn luận” cũng đồng nghĩa với “tự do biểu đạt” hay “tự do thể hiện”; vì vậy, việc bảo vệ tự do ngôn luận như là một quyền không chỉ nói đến nội dung mà còn nói đến phương tiện biểu đạt.

⁸ “Thông tin” là những hiểu biết, tri thức thu được qua nghiên cứu, khảo sát, trao đổi giữa các đối tượng với nhau; thông báo tin tức với ý nghĩa là tất cả những gì mang lại hiểu biết cho con người. Trong đời sống xã hội, thông tin có vai trò quan trọng và được xem là “ôxi của nền dân chủ”.

⁹ David Hume (1711-1776) là triết gia, nhà kinh tế học, nhà sử học Scotland, một trong những nhân vật quan trọng nhất trong thời kỳ khai sáng của Scotland.

¹⁰ Benjamin Constant (1767-1830) là nhà văn, nhà tư tưởng lỗi lạc và chính trị gia người Thụy Sĩ, được mệnh danh là “hùng biện nhất của tất cả các nhà bảo vệ quyền tự do và riêng tư” (Isaiah Berlin).

¹¹ Magna Charta (1215) là Bản Đại hiến chương (và một số đạo luật khác) được xem là một văn bản pháp luật quan trọng và là nguồn của hiến pháp bất thành văn của nước Anh. Nội dung của Magna Charta là hạn chế quyền lực của nhà vua và thừa nhận một số quyền tự do của con người.

¹² ICESCR được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 16/12/1966 (Việt Nam phê chuẩn ngày 24/9/1982), quy định: các quốc gia tham gia phải cam kết trao các quyền kinh tế - xã hội và văn hóa cho các cá nhân, bao gồm quyền công đoàn và quyền chăm sóc sức khỏe, quyền giáo dục và quyền được đảm bảo mức sống phù hợp. Cùng với UDHR và ICCPR, ICESCR là một phần của Bộ Luật Nhân quyền quốc tế và được đặt dưới sự giám sát của Ủy ban ICESCR.

¹³ Quyền tiếp cận thông tin của công dân đã được đặt ra ngay khi thành lập Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhưng Hiến pháp 1992 lần đầu tiên xác định quyền được thông tin như là quyền cơ bản của công dân (Điều 69). Hiến pháp 2013 kế thừa quy định này và sửa đổi thành “quyền tiếp cận thông tin” (Điều 25).

¹⁴ Quyền sống (Điều 19); các quyền về văn hóa (Điều 41); quyền xác định dân tộc, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42); quyền sống trong môi trường trong lành (Điều 43); quyền của công dân không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác (Điều 17); quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác (Điều 20); quyền có nơi ở hợp pháp (Điều 22); quyền hưởng an sinh xã hội (Điều 34)... Bổ sung nhiều quyền mới như: quyền được có quốc tịch, quyền được bảo đảm an sinh xã hội, quyền được thụ hưởng giá trị văn hóa, được bảo vệ trong tiêu dùng, được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường... Những quyền mới này đã mở rộng phạm vi bảo vệ hiến pháp với các quyền con người, quyền công dân trên các lĩnh vực dân sự, chính trị kinh tế - xã hội và văn hóa.

Tài liệu tham khảo

- [1] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đỗ Đức Minh (2014), “Quan hệ của truyền thông đại chúng với ngành tư pháp ở các nước tư bản phát triển”, *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội*, số 2.
- [3] http://press-pubs.uchicago.edu/founders/documents/amendl_speechs2.html.
- [4] <http://nghiencuuquocte.org/2014/03/13/truyen-thong-va-dan-chu/>
- [5] <https://luatvietnam.vn/tu-phap/hien-phap-18-2013-l-ctn-quoc-hoi-83320-d1.html#noidung>
- [6] <https://luatvietnam.vn/chinh-sach/luat-103-2016-gh13-quoc-hoi-104847-d1.html#noidung>
- [7] <https://luatvietnam.vn/thong-tin/luat-104-2016-gh13-quoc-hoi-104848-d1.html#noidung>
- [8] <https://luatvietnam.vn/an-ninh-quoc-gia/luat-an-ninh-mang-2018-luat-an-ninh-mang-so-24-2018-gh14-164904-d1.html>